

đã chấp hành xong các nội dung khác của bản án gồm hình phạt bổ sung và án phí.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2023, chuyển tạm giam ngày 20/02/2023; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên toà.

2. Lê T (tên gọi khác: B1), sinh ngày 14 tháng 6 năm 1996 tại Đ, Quảng Nam; nơi cư trú: Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê H (sinh năm 1964) và bà Tăng Thị B2 (sinh năm 1969); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2023, chuyển tạm giam ngày 20/02/2023, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên toà.

3. Mai Tấn T1 (tên gọi khác: Cu em), sinh ngày 09 tháng 12 năm 2003 tại Đ, Quảng Nam; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 08/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Mai Quốc C (sinh năm 1971) và bà Nguyễn Thị Kim C1 (sinh năm 1971); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2023, chuyển tạm giam ngày 20/02/2023, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng:

1. Người bào chữa cho bị cáo Lê Vĩnh P: Luật sư Nguyễn Thành L1 - Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Lê T: Luật sư Nguyễn Thành Đ - Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt tại phiên toà.

3. Người bào chữa cho bị cáo Mai Tấn T1: Luật sư Nguyễn Thanh T2 - Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt tại phiên toà.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Minh H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 11/02/2023, Lê Vĩnh P, Lê T, Mai Tấn T1 đang ở nhà của Lê Vĩnh P (thôn P, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) thì Lê T điện thoại cho Lê Minh H1 bảo đến nhà H1 (tại thôn P, Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam) để chơi và sử dụng ma túy thì H1 đồng ý. Sau đó T rủ P và T1 đến nhà H1 để cùng sử dụng ma túy. Khi đi, P mang theo 01 gói ma túy, T mang theo 01 nỏ thủy tinh. Sau khi T, T1 và P đến nhà H1 thì H1 đem ra một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (bình nhựa, ống hút bằng nhựa và nỏ thủy tinh) nhưng do nỏ thủy tinh

trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của H1 bị bể nên T lấy nỏ của mình đem theo để thay thế; P lấy ma túy mang theo đổ vào nỏ thủy tinh để cả nhóm cùng sử dụng bằng cách mỗi người tự đốt ma túy đá trong nỏ để hút. Trong lúc sử dụng ma túy thì P có nhờ T đi nhận gói hàng có chứa ma túy giúp cho P từ Thành phố Hồ Chí Minh gửi về ngã ba N, D qua nhà xe T4 để P sử dụng và bán lại kiếm lời thì T đồng ý. P đưa cho T một sim điện thoại di động số 0774107297 và nói T gắn sim điện thoại trên vào điện thoại của T để nhà xe Thảo Q liên lạc với T giao nhận hàng. Mai Tấn T1 nghe P nhờ T đi nhận ma túy giúp thì muốn được đi cùng nên xin đi theo, được P và T đồng ý.

Đến khoảng 03 giờ 15 phút cùng ngày, trong lúc đang sử dụng ma túy thì Lê T gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn C2 (sinh năm 1989, trú: D, D, Quảng Nam) đến tại nhà Lê Minh H1 chơi. Khi C2 đến nhà H1 thì thấy T, T1, P và H1 đang sử dụng ma túy và rủ C2 sử dụng thì C2 đồng ý và ngậm ống hút nhưng không hút ma túy đá vào cơ thể.

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 11/02/2023, nhà xe T4 liên lạc qua số điện thoại 0774107297 nói với Lê T ra ngã ba N, D nhận hàng thì T mượn xe máy hiệu Air Blade, màu đen vàng biển số 92F1-590.23 của Nguyễn Văn C2 (C2 không biết T mượn xe của mình để đi nhận ma túy) chở Mai Tấn T1 đến khu vực ngã ba N, huyện D để nhận 02 gói hàng chứa ma túy giúp cho P từ Thành phố Hồ Chí Minh gửi về qua nhà xe T4. Đến khoảng 04 giờ 20 phút cùng ngày, khi T và T1 vừa nhận 02 gói hàng chứa ma túy thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q phát hiện bắt quả tang; vật chứng thu giữ gồm:

- 01 gói ny lông màu đen được dán bằng băng keo không màu, bên ngoài được dán mảnh giấy có ghi nội dung “GỬI ANH TU NGÃ 3 – NAM PHƯỚC, DUY XUYÊN – QUẢNG NAM, SĐT 0774107297”, tiến hành mở gói ny lông này ra phát hiện bên trong có một xấp quần đùi màu xanh gồm 25 cái, phía trong những quần đùi này có 01 hộp giấy màu vàng hình chữ nhật bên trong có một túi ny lông không màu chứa 99 viên nén màu hồng.

- 01 thùng giấy catton màu trắng bên ngoài được dán băng keo không màu và dán mảnh giấy ghi nội dung “GỬI ANH TU NGÃ 3 NAM PHƯỚC – Duy Xuyên Q, SĐT 0774107297”, tiến hành mở thùng giấy phát hiện bên trong có 01 chiếc loa điện tử màu xám, hiệu Sound Max –A3000, sau đó mở các bộ phận chiếc loa này thì phát hiện bên trong có một lọ ống nhựa màu vàng chứa 25 viên nén màu vàng nhạt, ngoài ra bên trong loa còn có một vỏ bao ny lông màu cam được quấn một túi ny lông bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy đá.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đã tiến hành cân xác định khối lượng, thử mẫu kết quả: **99 viên nén màu hồng có khối lượng 46,8 gam** (loại MDMA); **25 viên nén màu vàng nhạt có khối lượng 17,4 gam** và **gói chất rắn màu trắng dạng tinh thể có khối lượng 99,3 gam**. Sau đó cơ quan Công an đã tiến hành niêm phong tất cả số ma túy và tạm giữ các đồ vật, liệu liên quan khác.

Lê T và Mai Tấn T1 khai nhận số ma túy nêu trên là của Lê Vĩnh P. Lúc đang sử dụng ma túy ở nhà của H1 thì P nhờ T và T1 đến khu vực ngã ba N, D,

Quảng Nam nhận giúp ma túy cho P từ Thành phố Hồ Chí Minh gửi về qua nhà xe T4. Căn cứ lời khai của Lê T và Mai Tấn T1, Cơ quan Công an đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Vĩnh P. Khi Cơ quan Công an thực hiện lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Vĩnh P tại nhà của Lê Minh H1 thì phát hiện Lê Vĩnh P và Lê Minh H1 đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và thu giữ các tang vật: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 bật lửa gas đã qua sử dụng; 01 đoạn ống hút nước bằng nhựa dài 02 cm; 01 “nỏ” thủy tinh thu giữ tại hồ cá bỏ trống tại nhà Lê Minh H1. Đồng thời phát hiện thu giữ trong túi quần Jeans bên phải phía trước của Lê Vĩnh P đang mặc 01 gói nghi là ma túy. Tiến hành cân xác định khối lượng là **0,21 gam, loại ma túy Methamphetamine.**

P khai số ma túy mà Lê T và Mai Tấn T1 đi nhận giúp cho Lê Vĩnh P từ nhà xe T4 và bị bắt quả tang là của P mua của một người đàn ông tên H1 (không rõ lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh với giá 40.000.000đ để sử dụng và bán lại kiếm lời. Gói ma túy loại Methamphetamine thu giữ trong túi quần của Lê Vĩnh P khi thực hiện Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, P khai mua của một người đàn ông không rõ lai lịch tại Đà Nẵng với giá 500.000 đồng P đã sử dụng tại nhà H1 cùng với T, T1, H1 một ít và còn lại P để sử dụng và bán lại.

Tiến hành thử nước tiểu phát hiện nhanh việc sử dụng trái phép chất ma túy, kết quả: Lê Vĩnh P, Lê T, Mai Tấn T1, Lê Minh H1 dương tính với ma túy (loại Methamphetamine).

- Kết luận giám định số 16/KL-KTHS(MT), ngày 17/02/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: tìm thấy ma túy loại MDMA và Ketamine (dạng vệt) trong 99 viên nén màu hồng có khối lượng là 46,939 gam; 25 viên nén màu vàng nhạt không tìm thấy chất ma túy thường gặp có khối lượng 17,557gam; chất rắn dạng tinh thể, màu trắng gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 91,294 gam. Chất rắn dạng tinh thể màu trắng (thu trên người Lê Vĩnh P) là ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,194 gam.

- Ngày 29/9/2023, Phòng K Công an tỉnh Q có Công văn số 103/PC09 trả lời không xác định được khối lượng của từng chất MDMA và Ketamine trong 99 viên nén màu hồng.

- Kết luận giám định số 19/KL-KTHS(MT) ngày 23/02/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: mẫu cặn chất bám dính màu nâu gửi giám định (đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy) là ma túy loại Methamphetamine, do lượng mẫu bám dính qua ít nên không thể xác định được khối lượng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 15/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

1. Đối với bị cáo Lê Vĩnh P:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Vĩnh P tù chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Vĩnh P 07 năm 06 tháng tù (bảy năm sáu tháng tù) về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Lê Vĩnh P phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là **Tù chung thân**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 11/02/2023).

- Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Phạt bổ sung bị cáo Lê Vĩnh P số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

2. Đối với bị cáo Lê T:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê T 20 (hai mươi) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lê T 07 năm 06 tháng tù (bảy năm sáu tháng tù) về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Lê T phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là **27 năm 06 tháng tù** (hai mươi bảy năm sáu tháng tù). Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 11/02/2023).

3. Đối với bị cáo Mai Tấn T1:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Mai Tấn T1 **20 (hai mươi) năm tù** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 11/02/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Minh H1, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22/1/2024, bị cáo Mai Tấn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 24/1/2024, bị cáo Lê T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 27/1/2024, bị cáo Lê Vĩnh P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T, Mai Tấn T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo Lê Vĩnh P vắng mặt, bị cáo P đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Lê Vĩnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê T trình bày quan điểm: trong vụ án bị cáo Lê T tham gia với vai trò giúp sức, bị cáo tuổi đời còn trẻ, để tạo điều kiện cho bị cáo sớm làm lại cuộc đời, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Tấn T1 trình bày quan điểm: bị cáo T1 không biết mục đích đi nhận ma túy về để cho P mua bán kiếm lời, bị cáo phạm tội lần đầu; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ cho Mai Tấn T1 một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T, Mai Tấn T1 kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T, Mai Tấn T1 thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 11/02/2023, tại nhà Lê Minh H1 ở thôn P, Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T, Lê Minh H1 và Mai Tấn T1 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, H1 chuẩn bị địa điểm, cung cấp bình nhựa, ống hút, nỏ thủy tinh nhưng bị hỏng không dùng được nên T cung cấp 01

nỏ thủy tinh (mang sẵn trong người) để làm thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; P cung cấp ma túy và đổ vào nỏ thủy tinh để cả nhóm cùng sử dụng bằng cách mỗi người tự đốt ma túy đá trong nỏ để hút. Trong quá trình sử dụng ma túy, thì Lê Vĩnh P nhờ Lê T và Mai Tấn T1 đi nhận hàng là ma túy giúp cho P từ Thành phố Hồ Chí Minh gửi về ngã ba N, D qua nhà xe T4 để P sử dụng và bán lại kiếm lời. Số ma túy này Lê Vĩnh P đã liên hệ mua của một người đàn ông tên H1 (không rõ lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh với giá 40.000.000 đồng, người bán ma túy tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi ma túy về cho P qua nhà xe Thảo Quyên và đang được vận chuyển về gần đến thị trấn N, huyện D cho P. P đưa cho T một sim điện thoại di động số 0774107297 của P để nhà xe liên lạc với T giao nhận hàng. Khi đi nhận ma túy cho P thì T biết P nhận ma túy về để sử dụng và bán lại kiếm lời, T1 biết đi nhận hàng là ma túy cho P nhưng không biết P mua ma túy về để làm gì. Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 11/02/2023, nhà xe T4 liên lạc T đến nhận hàng (qua số điện thoại do P đưa) tại ngã ba N, huyện D. Khi T và T1 vừa nhận 02 gói hàng chứa ma túy xong định vận chuyển về giao cho P thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật, qua kết quả giám định gồm: 99 viên nén màu hồng có khối lượng là 46,939 gam tìm thấy ma túy loại MDMA và Ketamine (dạng vệt); 25 viên nén màu vàng nhạt không tìm thấy chất ma túy thường gặp có khối lượng 17,557gam; chất rắn dạng tinh thể, màu trắng là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 91,294 gam.

Sau khi bắt quả tang T và T1, cơ quan điều tra bắt quả tang Lê Vĩnh P tại nhà Lê Minh H1, thu giữ trong túi quần của P 01 gói ma túy, qua kết quả giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,194 gam. P khai số ma túy này mục đích để cho các bị cáo sử dụng và bán lại kiếm lời.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam kết tội Lê Vĩnh P, Lê T “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Mai Tấn T1 “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T và Mai Tấn T1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong nhân dân và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo Lê Vĩnh P có công cách mạng, cha bị cáo là ông Lê Văn N có công trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là thương binh hạng 4/4, ông nội bị cáo là ông Lê Văn T3 có công trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba; gia đình bị cáo Mai Tấn T1 có công cách mạng, ông nội bị cáo là ông Mai Minh D được tặng thưởng

Huân chương chiến sỹ vẻ vang, cha bị cáo là ông Mai Quốc C có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự.

Ở tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”: bị cáo Lê Vĩnh P là người giữ vai trò chính, là người trực tiếp giao dịch mua bán ma túy để kiếm lời; bị cáo T phạm tội với vai trò thực hành tích cực, là người trực tiếp đi nhận ma túy giúp cho P, vì vậy bị cáo P phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T; bị cáo Mai Tấn T1 biết P nhờ T đi nhận giúp ma túy, bị cáo tự nguyện đi cùng T để nhận giúp ma túy nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Đối với tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”: bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T đều là người giữ vai trò chính, bị cáo P cung cấp ma túy, bị cáo T khởi xướng và cung cấp dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy nên vai trò của bị cáo P và bị cáo T ngang bằng nhau.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án khi quyết định hình phạt; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định. Hình phạt tù không thời hạn đối với Lê Vĩnh P về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; hình phạt 20 năm tù đối với Lê T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; hình phạt 20 năm tù đối với Mai Tấn T1 về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” mà Tòa sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp, không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê T, Mai Tấn T1 không có tình tiết giảm nhẹ mới để xem xét; mẹ bị cáo Lê Vĩnh P là bà Trương Thị Lê n thay cho bị cáo khoản tiền phạt bổ sung 10.000.000đ và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nhưng cũng không đủ căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Như vậy, nội dung kháng cáo của các bị cáo và ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận nên cần giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T, Mai Tấn T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T, Mai Tấn T1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo.

1.1. Đối với bị cáo Lê Vĩnh P:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: bị cáo Lê Vĩnh P tù Chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: bị cáo Lê Vĩnh P 07 năm 06 tháng (bảy năm sáu tháng) tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Lê Vĩnh P phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là **Tù chung thân**. Bị cáo bị tạm giữ ngày 11/02/2023, chuyển tạm giam ngày 20/02/2023.

1.2. Đối với bị cáo Lê T:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: bị cáo Lê T 20 (hai mươi) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lê T 07 năm 06 tháng (bảy năm sáu tháng) tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Lê T phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là 27 năm 06 tháng (hai mươi bảy năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 11/02/2023).

1.3. Đối với bị cáo Mai Tấn T1:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: bị cáo Mai Tấn T1 20 (hai mươi) năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 11/02/2023).

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê T, Mai Tấn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên